TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN YÊN** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2017/HSST
Ngày 30 tháng 11 năm 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

**** Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa***: Ông Nguyễn Ánh Dương

* ***Các Hội thẩm nhân dân***:

1. Ông Đào Xuân Hải– Cán bộ nghỉ hưu tại xã Cao Thượng, huyện Tân Yên.

2. Ông Trần Anh Dũng – Cán bộ nghỉ hưu tại xã Việt lập, huyện Tân Yên.

*** Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Duyên - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tân Yên.

*** Đại diện VKSND huyện Tân Yên tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Bộ – Kiểm sát viên .

Trong ngày 30 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 70/2016/HSST, ngày 15 tháng 11 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Dương Văn Đ, sinh năm 1979

- Tên gọi khác: Không

- Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: thôn H, xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

- Nghề nghiệp: Làm ruộng Văn hoá: 3/12;

- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không;

- Con ông: Dương Văn Q- sinh năm 1942.

- Con bà: Tạ Thị B (đã chết).

- Vợ: Dương Thị T- sinh năm 1981

- Con: Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2007.

- Gia đình bị cáo có 07 anh chị em, bị cáo là thứ sáu.

- Tiền án: Không.

- Tiền sự: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 07/QĐ-XPHC ngày 26/5/2016 của Công an xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang xử phạt 750.000 đồng về hành vi "Gây rối trật tự công cộng". Thi hành tiền phạt ngày 05/12/2016.

- Nhân thân:

+ Tại Bản án số 39/2007/HSST ngày 20/9/2007 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gia thử thách 12 tháng về tội "Đánh bạc". (Số tiền dùng vào việc đánh bạc là 4.247.000 đồng; Bị cáo chấp hành xong tiền phạt bổ sung và tiền án phí ngày 10/8/2008).

+ Tại Bản án số 20/2017/HSST ngày 14/7/2017 của Toà án nhân dân huyện T tỉnh Bắc Giang xử phạt 12 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích" (trong vụ án này bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam ngày nào).

- Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/8/2017. Hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Tạ Văn P, sinh năm 1993

- Tên gọi khác: Không

- Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: thôn N, xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang

- Nghề nghiệp: Làm ruộng; Văn hoá: 9/12;

- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không;

- Con ông: Tạ Văn Đ- sinh năm 1953.

- Con bà: Đỗ Thị L (đã chết)

- Vợ, con: Chưa có

- Gia đình bị cáo có 05 anh chị em, bị cáo là con thứ năm.

- Tiền án, tiền sự: không

- Bị cáo bị bắt khẩn cấp, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/8/2017. Hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T. Có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Đỗ Tiến A, sinh năm 1990

- Tên gọi khác: Không

- Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: thôn B, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang

- Nghề nghiệp: Làm ruộng; Văn hoá: 9/12;

- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không;

- Con ông: Đỗ Ngọc L- sinh năm 1961

- Con bà: Trần Thị H- sinh năm 1963

- Vợ: Hoàng Thị T, sinh năm 1987 (đã ly hôn)

- Con: Bị cáo có 01 con sinh năm 2012

- Gia đình bị cáo có 03 anh chị em, bị cáo là thứ hai.

- Tiền án; Tiền sự: không

- Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/8/2017. Hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T. Có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:**

- Ông Giáp Văn M - sinh năm 1966 (Vắng mặt tại phiên tòa)
- Bà Tạ Thị H - sinh năm 1968 (Vắng mặt tại phiên tòa)

Đều trú tại: thôn T, xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Nguyễn Văn T - sinh năm 1990 (Vắng mặt tại phiên tòa)

Trú tại: thôn N, xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

- Anh Dương Văn V - sinh năm 1976 (Vắng mặt tại phiên tòa)

Trú tại: thôn H, xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

- Ông Tạ Văn Đ - sinh năm 1953(Có mặt tại phiên tòa)

Trú tại: thôn N, xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

- Ông Đỗ Ngọc L- sinh năm 1961 (Vắng mặt tại phiên tòa)
- Bà Trần Thị H- sinh năm 1963 (Có mặt tại phiên tòa)

Đều trú tại: thôn B, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

NHẬN THẤY

Các bị cáo Dương Văn Đ, Tạ Văn P, Đỗ Tiến A bị Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 01 giờ ngày 01/08/2017, Dương Văn Đ- sinh năm 1979, trú tại thôn H, xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang mang theo 01 chiếc đèn pin một mình đi bộ từ nhà đi soi ếch. Sau khi đi soi ếch xong, Được vào nhà anh Nguyễn Văn T- sinh năm 1990 ở thôn N, xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang mượn xe đạp mi ni màu hồng của anh T để đi về nhà. Khoảng 03 giờ cùng ngày, khi đi về qua khu vực nhà ở của gia đình ông Giáp Văn M- sinh năm 1966 ở thôn T, xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang, Đ nảy sinh ý định trộm cắp tài sản ở trong xưởng cơ khí (ở trước cửa nhà ở) của gia đình ông M mang đi tiêu thụ lấy tiền nên Đ dừng xe lại, dựng xe đạp ở đầu hồi nhà ông M. Sau đó, Đ đi tìm ở khu vực xung quanh và tìm được một chiếc gậy gỗ dài khoảng 01m, Đ cầm chiếc gậy gỗ này đi đến gần cửa xưởng cơ khí của gia đình ông M (được làm bằng sắt, phía trên làm bằng sen hoa và để thoáng) đưa gậy gỗ qua ô thoáng của cửa vào bên trong xưởng với mục đích khều dây điện từ trong xưởng ra ngoài để trộm cắp. Khi đưa gậy vào bên trong xưởng thì Đ phát hiện gia đình ông M không khóa cửa xưởng mà chỉ cài then bên trong nên Đ đã vứt gậy gỗ xuống đất (khu vực trước cửa xưởng cơ khí của gia đình ông M) và đưa tay qua ô thoáng vào bên trong rút then cài cửa phía trong, mở cửa. Khi mở được cửa xưởng, Đ đi vào bên trong xưởng lục soát tìm kiếm tài sản để trộm cắp và Đ tìm thấy ở gian nhà xưởng bên trái (theo hướng từ cửa nhà ông M nhìn ra đường liên thôn) có để 01 chiếc máy cắt kim loại tay cầm màu xám đã qua sử dụng, Đ trộm cắp chiếc máy cắt này và bê ra khu vực cánh đồng D thuộc thôn G, xã S, huyện T (cách nhà ông M khoảng 40- 50m) cất giấu. Sau đó, Đ tiếp tục quay lại xưởng cơ khí của gia đình ông M tìm kiếm tài sản để trộm cắp và Đ đã phát hiện tại gian xưởng bên phải (ở vị trí gần cửa ra vào của nhà ở) có để 01 máy cắt kim loại tay cầm màu xanh đã qua sử dụng, Đ trộm cắp chiếc máy cắt kim loại này rồi mang ra khu vực cánh đồng D để ở sát chiếc máy cắt kim loại tay cầm màu xám mà Đ đã cất giấu

trước đó. Cất giấu máy cắt xong, Đ lại tiếp tục quay vào xưởng cơ khí của gia đình ông M tìm tài sản để trộm cắp. Đ đã tìm và phát hiện ở gần cửa gian xưởng bên phải có để 01 chiếc máy hàn có chữ "HS230" đã qua sử dụng, máy hàn có nối với một số dây điện. Đ lấy 01 chiếc kìm bằng kim loại của gia đình ông M để ở gần máy hàn rồi dùng chiếc kìm này cắt rời dây điện nối với máy hàn ra, sau đó Đ định bê chiếc máy hàn này mang ra cánh đồng cất giấu nhưng do máy hàn nặng nên Đ không mang máy hàn ra khỏi khu vực nhà ông M được. Đ để chiếc máy hàn ở chỗ cũ rồi ra lấy xe đạp và đạp xe đến nhà Tạ Văn P- sinh năm 1993 ở thôn N, xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang để rủ P đi trộm cắp tài sản cùng. Đến nhà P, Đ đứng ở khu vực gần cửa sổ nhà P và gọi P dậy. Khi P dậy ra mở cửa gặp Đ thì nói với P "Tao vào nhà ông M lấy được hai máy cắt, còn máy hàn nặng tao với mày sang khiêng đi bán" (ý Đ nói với P là Đ vào nhà ông M đã trộm cắp được 02 chiếc máy cắt, còn máy hàn nặng nên Đ rủ P đến nhà ông M trộm cắp máy hàn và mang đi bán cùng Đ), nghe Đ nói vậy, P đồng ý. Đ để xe đạp mượn được của anh T ở nhà P rồi ngồi sau xe ô tô nhãn hiệu Honda Dream, biển kiểm soát 98M9- 1537 do P điều khiển đến nhà ông M tiếp tục trộm cắp tài sản. Khoảng 03 giờ 45 phút ngày 01/8/2017, P điều khiển xe mô tô chở Đ đến khu vực trước cửa nhà ông M, Phúc đỗ xe cách nhà ông M khoảng 30m, rồi cùng Đ đi vào trong xưởng cơ khí của gia đình ông M khiêng chiếc máy hàn lúc trước Đ đã cắt dây điện mang ra ngoài, sau đó Đ đóng cửa xưởng cơ khí của gia đình ông M lại như ban đầu. Đ và P khiêng chiếc máy hàn trộm cắp được mang ra chỗ để xe mô tô, đặt máy hàn đặt lên yên xe rồi Phúc điều khiển xe mô tô chở Đ ngồi phía sau giữ máy hàn đến cửa hàng cơ khí của Đỗ Tiến A- sinh năm 1990 ở thôn C, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang để bán máy hàn. Khoảng 05 giờ cùng ngày, khi mang máy hàn đến cửa hàng của Tiến A, thấy cửa hàng của Tiến A vẫn đóng cửa nên Đ đứng ở bên ngoài gọi Tiến A. Tiến A đang ngủ trong quán nghe thấy tiếng gọi của Đđã dậy và ra mở cửa. Tại cửa quán của Tiến A, Đ đứng đối diện, cách Tiến A khoảng 01m vừa chỉ tay về chiếc máy hàn đã được Đ và P đặt ở dưới đất (trước cửa quán của Tiến A) vừa nói với Tiến A "Đồ em vừa nhảy được, anh xem lấy giúp em" (ý Đ nói với Tiến A máy hàn là do Đ và P vừa trộm cắp được, bảo Tiến A mua cho Đ). Mặc dù biết rõ chiếc máy hàn là do Đ và P trộm cắp có được nhưng Tiến A vẫn đồng ý mua máy hàn của Đ và P. Sau khi kiểm tra và thử máy hàn, Tiến A nói với Đ "Cái này rẻ lắm được mấy trăm thôi". Khi nghe Tiến A nói như vậy, Đ nói với Tiến A "Vậy thì cứ để đây, em quay lại lấy hai máy cắt nữa". Sau đó, Đ và P để máy hàn tại cửa hàng cho Tiến A, còn P điều khiển xe mô tô chở Đ đến cánh đồng D thuộc thôn G, xã S lấy 02 chiếc máy cắt kim loại mà Đ đã trộm cắp được của gia đình ông M trước đó để lên yên xe mô tô rồi P điều khiển xe mô tô chở Đ ngồi phía sau giữ 02 chiếc máy cắt kim loại mang đến cửa hàng của Tiến A để bán cho Tiến A. Sau khi xem chiếc máy hàn và 02 chiếc máy cắt kim loại do Đ và P mang đến, Tiến A đồng ý mua và thỏa thuận với Đ giá 02 chiếc máy cắt kim loại là 700.000 đồng, 01 máy hàn là 800.000 đồng. Do không có đủ tiền nên Tiến A đưa cho Đ trước số tiền 800.000 đồng, còn số tiền 700.000 đồng Tiến A hẹn với Đ và P đến lấy sau. Đ cầm số tiền 800.000 đồng Tiến A đưa cho rồi cùng P đi về. Trên đường về, Đ đưa cho P số tiền 400.000 đồng. Sau khi Đ và P đi về, Tiến A mang chiếc máy hàn và 02 chiếc máy cắt kim loại về nhà Tiến A ở thôn B, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang cất giấu và lấy tiền mang ra trả cho Đ và Psố tiền còn thiếu. Khoảng 7 giờ cùng ngày 01/8/2017, Đ và P quay lại cửa hàng của Tiến A, Tiến A đã đưa cho Đ số

tiền 700.000 đồng. Đ cầm số tiền 700.000 đồng Tiến A đưa cho và nói với Tiến A "Ai hỏi thì bảo không biết", Tiến A trả lời "Biết rồi". Sau đó, P điều khiển xe mô tô chở Đ về nhà P để Đ lấy xe đạp mang đến trả cho anh T. Trên được từ cửa hàng của Tiến A về nhà P, Đ đưa cho P số tiền 300.000 đồng. Số tiền bán tài sản trộm cắp có được, Đ và P đã ăn tiêu cá nhân hết. (BL: 48- 51, 54- 55, 68- 74, 103- 131, 151- 173, 193- 206).

Ngày 06/8/2017, ông Giáp Văn M có đơn trình báo gửi đến Công an huyện T. (BL: 65)

Sau khi sự việc bị phát hiện, ngày 08/08/2017 Dương Văn Đ đến Công an xã S, huyện T đầu thú với Cơ quan điều tra Công an huyện T. Căn cứ lời khai của Dương Văn Đ, ngày 08/8/2017 Cơ quan điều tra Công an huyện T đã tiến hành bắt khẩn cấp đối với Tạ Văn P. Cùng ngày 08/08/2017, Đỗ Tiến A đến Công an huyện T đầu thú, khai nhận về việc ngày 01/8/2017 Tiến A đã tiêu thụ 01 chiếc máy hàn và 02 chiếc máy cắt kim loại biết rõ là do Đ và P phạm tội mà có, đồng thời tự nguyện giao nộp 01 máy hàn có chữ "HS230", 01 máy cắt kim loại tay cầm màu xám và 01 máy cắt kim loại tay cầm màu xanh mà Tiến A đã mua của Dương Văn Đ và Tạ Văn P ngày 01/08/2017. (BL: 103- 104, 193- 194)

Ngày 25/9/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T tạm giữ của anh Dương Văn V- sinh năm 1976, trú tại thôn H, xã S, huyện T 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, màu sơn nâu, biển kiểm soát 98M9- 1537 và tạm giữ của anh Nguyễn Văn T 01 chiếc xe đạp màu hồng đã qua sử dụng. (BL: 30, 32)

Tại Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 47/KL-ĐGTS ngày 08/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tân Yên đã định giá:

- 01 (một) máy hàn có chữ "HS230", đã qua sử dụng có giá trị 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng chẵn).

- 01 (một) máy cắt kim loại tay cầm màu xám, đã qua sử dụng có giá trị 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng chẵn).

- 01 (một) máy cắt kim loại tay cầm màu xanh, đã qua sử dụng có giá trị 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng chẵn).

Tổng giá trị của các tài sản là: 5.400.000 đồng (Năm triệu bốn trăm nghìn đồng chẵn). (BL: 41, 42)

Đối với ông Đỗ Ngọc L- sinh năm 1961 và bà Trần Thị H- sinh năm 1963 đều trú tại thôn B, xã L, huyện T (là bố, mẹ đẻ của Đỗ Tiến A) không biết 02 chiếc máy cắt và 01 chiếc máy hàn mà Tiến A cất giấu tại nhà ở của mình là tài sản do phạm tội mà có nên ông L, bà H không vi phạm pháp luật.

Quá trình điều tra xác định chiếc mô tô biển kiểm soát 98M9- 1537 là xe của anh Dương Văn V cho ông Tạ Văn Đ- sinh năm 1953, trú tại thôn N, xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang (là bố đẻ của Tạ Văn P) mượn vào buổi chiều ngày 31/7/2017, ông Đ đã mang chiếc xe mô tô này về để ở nhà. Khi P lấy chiếc xe mô tô đi sử dụng làm phương tiện phạm tội, ông Đ và anh V không biết. Ngày 27/10/2017, Cơ

quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã ra quyết định xử lý vật chứng trả xe mô tô cho anh V, đến nay anh V và ông Đ không có yêu cầu gì.

Khi cho Đ mượn chiếc xe đạp màu hồng, anh Nguyễn Văn T không biết việc Đ sẽ sử dụng chiếc xe đạp này vào việc phạm tội nên ngày 27/10/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả xe đạp cho anh T, đến nay anh T không có yêu cầu gì.

Đối với 01 máy cắt kim loại tay cầm màu xám, 01 máy cắt kim loại tay cầm màu xanh, 01 máy hàn có chữ "HS230" đều đã qua sử dụng, quá trình điều tra xác định những tài sản này thuộc quyền sở hữu hợp pháp của ông Giáp Văn M nên ngày 27/10/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã quyết định xử lý vật chứng trả lại cho ông M, nay ông M không có yêu cầu gì về việc bồi thường thiệt hại. Đỗ Tiến A yêu cầu Dương Văn Đ phải có trách nhiệm trả cho Tiến A số tiền 1.500.000 đồng mà Tiến A đã bỏ ra mua máy cắt và máy hàn.

Chiếc đèn pin Dương Văn Đ mang theo khi đi trộm cắp tài sản, trên đường đi từ nhà Tạ Văn P đến nhà Nguyễn Văn T để trả xe đạp cho T, Đ đã đánh rơi chiếc đèn pin này. Do Đ không xác định được vị trí rơi chiếc đèn pin nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T không thu hồi được.

Đối với đoạn gậy gỗ và chiếc kìm Đ sử dụng vào việc phạm tội, Đ khai vứt gậy gỗ ở khu vực trước cửa nhà ông M, vứt kìm ở trong xưởng, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã tiến hành truy tìm những vật chứng này nhưng không tìm thấy nên không thu hồi được.

Quá trình điều tra, Dương Văn Đ và Tạ Văn P đã thành khẩn khai nhận về toàn bộ hành vi phạm tội của mình cùng đồng phạm như đã nêu trên. Đỗ Tiến A ban đầu thành khẩn khai nhận về toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên nhưng sau đó Tiến A không thừa nhận hành vi phạm tội của bản thân.

Cáo trạng số: 64/KSĐT, ngày 15/11/2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên truy tố:

- Dương Văn Đ về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự;

- Tạ Văn P về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự và tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự;

- Đỗ Tiến A về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà hôm nay:

* Các bị cáo Dương Văn Đ, Tạ Văn P, Đỗ Tiến A đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với các bị cáo:

Truy tố: Dương Văn Đ về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS; Tạ Văn P về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS và tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại khoản 1 Điều 250 BLHS; Đỗ Tiến A về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại khoản 1 Điều 250 BLHS và đề nghị Hội đồng xét xử :

- Tuyên bố bị cáo Dương Văn Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Tuyên bố bị cáo Tạ Văn P phạm tội "Trộm cắp tài sản" và tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

- Tuyên bố bị cáo Đỗ Tiến A phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

* Áp dụng khoản 01 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 2 Điều 51; Điều 20; Điều 53; Điều 33 của BLHS. Xử phạt bị cáo Dương Văn Đ từ 14 tháng tù đến 16 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Tổng hợp hình phạt 12 tháng tù của Bản án HSST số 20/2017/HSST ngày 14/7/2017 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang, buộc bị cáo Dương Văn Đ chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 26 tháng tù đến 28 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 08/8/2017.

* Áp dụng khoản 01 Điều 138; điểm h điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33 của BLHS. Xử phạt bị cáo Tạ Văn P từ 06 tháng tù đến 08 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

* Áp dụng khoản 01 Điều 250; điểm h điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 33 của BLHS. Xử phạt bị cáo Tạ Văn P từ 06 tháng tù đến 08 tháng tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 50 BLHS buộc bị cáo Tạ Văn P chấp hành hình phạt chung của hai tội là 12 tháng tù đến 16 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 08/8/2017.

* Áp dụng khoản 01 Điều 250; điểm h điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 60 của BLHS; khoản 4 Điều 227 BLTTHS.

Xử phạt bị cáo Đỗ Tiến A từ 06 tháng đến 08 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 tháng đến 16 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Đỗ Tiến A cho UBND xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Cần trả tự do ngay tại phiên toà cho bị cáo Đỗ Tiến A nếu bị cáo Đỗ Tiến A không bị tạm giam về một tội phạm khác.

* Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét giải quyết.

* Áp dụng: Điểm b khoản 1 Điều 41 BLHS; Điểm c khoản 2 Điều 76 BLTTHS.

Buộc bị cáo Dương Văn Đ nộp lại 800.000đồng do phạm tội mà có để sung quỹ Nhà nước.

Buộc bị cáo Tạ Văn P nộp lại 700.000đồng số tiền do phạm tội mà có để sung quỹ Nhà nước.

* Áp dụng Điều 99 BLTTHS buộc các bị cáo Dương Văn Đ, Tạ Văn P chịu án phí hình sự theo quy định. Bị cáo Đỗ Tiến A thuộc hộ cận nghèo nên không phạt bổ sung bằng tiền đối theo quy định tại khoản 5 Điều 250 và bị cáo được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Tại phiên toà hôm nay, các bị cáo Dương Văn Đ, Tạ Văn P, Đỗ Tiến A khai nhận hành vi phạm tội: Khoảng 03 giờ ngày 01/8/2017, bị cáo Dương Văn Đ đã trộm cắp tại xưởng cơ khí của gia đình ông Giáp Văn M, bà Tạ Thị H, ở thôn T, xã S, huyện T được 01 chiếc máy cắt kim loại tay cầm màu xám và 01chiếc máy cắt kim loại tay cầm màu xanh đem ra khu vực cánh đồng D thuộc thôn G, xã S, huyện T cất giấu. Phát hiện còn 01 chiếc máy hàn nặng, Dương Văn Đ rủ Tạ Văn P trộm cắp thì P đồng ý. Khoảng 03 giờ 45 phút ngày 01/8/2017, P điều khiển xe mô tô Dream, biển kiểm soát 98M9- 1537 chở Đ đến khu vực trước cửa nhà ông M, P cùng Đ đi vào trong xưởng cơ khí của gia đình ông M khiêng 01 chiếc máy hàn lúc trước Đ đã cắt dây điện mang ra ngoài, đặt máy hàn lên yên xe rồi P điều khiển xe mô tô chở Đ ngồi phía sau giữ máy hàn đến cửa hàng cơ khí của Đỗ Tiến A để bán. Khoảng 05 giờ cùng ngày, Đ đứng ở bên ngoài cửa hàng của Tiến A gọi Tiến A dậy. Tại cửa quán của Tiến A, Đ đứng đối diện, cách Tiến A khoảng 01m vừa chỉ tay về chiếc máy hàn đã được Đ và P đặt ở dưới đất (trước cửa quán của Tiến A) vừa nói với Tiến A "Đồ em vừa nhảy được, anh xem lấy giúp em" (ý Đ nói với Tiến A máy hàn là do Đ và P vừa trộm cắp được, bảo Tiến A mua cho Đ). Tiến A biết rõ chiếc máy hàn là do Đ và P trộm cắp có được và vẫn đồng ý mua máy hàn của Đ và P. Sau khi kiểm tra và thử máy hàn, Tiến A nói với Đ “Cái này rẻ lắm được mấy trăm thôi”. Khi nghe Tiến A nói như vậy, Đ nói với Tiến A “Vậy thì cứ để đây, em quay lại lấy hai máy cắt nữa”. Sau đó, Đ và P để máy hàn tại cửa hàng cho Tiến A, còn P điều khiển xe mô tô chở Đ đến cánh đồng D thuộc thôn G, xã S lấy 02 chiếc máy cắt kim loại mà Đ đã trộm cắp được của gia đình ông M trước đó để lên yên xe mô tô rồi P điều khiển xe mô tô chở Đ ngồi phía sau giữ 02 chiếc máy cắt kim loại mang đến cửa hàng của Tiến A để bán cho Tiến An. Sau khi xem chiếc máy hàn và 02 chiếc máy cắt kim loại do Đ và P mang đến, Tiến A đồng ý mua và thỏa thuận với Đ giá 02 chiếc máy cắt kim loại là 700.000 đồng, 01 máy hàn là 800.000 đồng. Do không có đủ tiền nên Tiến A đưa cho Đ trước số tiền 800.000 đồng, còn số tiền 700.000 đồng Tiến A hẹn với Đ và P đến lấy sau. Đ cầm số tiền 800.000 đồng Tiến A đưa cho rồi cùng P đi về. Trên đường về, Đ đưa cho P số tiền 400.000 đồng. Sau khi Đ và P đi về, Tiến A mang chiếc máy hàn và 02 chiếc máy cắt kim loại về nhà bố mẹ Tiến A ở thôn B, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang cất giấu và lấy tiền mang ra trả cho Đ và P số tiền còn thiếu. Khoảng 7 giờ cùng ngày 01/8/2017,

Đ và P quay lại cửa hàng của Tiến, Tiến A đã đưa cho Đ số tiền 700.000 đồng. Đ cầm số tiền 700.000 đồng Tiến A đưa cho và nói với Tiến A "Ai hỏi thì bảo không biết", Tiến A trả lời "Biết rồi". Sau đó, P điều khiển xe mô tô chở Đ về nhà P để Đ lấy xe đạp mang đến trả cho anh T. Đ đưa cho P số tiền 300.000 đồng. Số tiền bán tài sản trộm cắp có được, Đ và P đã ăn tiêu cá nhân hết.

Các bị cáo Dương Văn Đ, Tạ Văn P, Đỗ Tiến A xác định số tài sản trộm cắp, thời gian, địa điểm, công cụ, đồng phạm, phương tiện và cách thức mà các bị cáo trộm cắp tài sản, tiêu thụ tài sản trộm cắp như cáo trạng nêu là đúng. Các bị cáo xác định cáo trạng truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng hành vi.

Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với: Đơn xin đầu thú của bị cáo Đ, bị cáo A, Biên bản về việc người phạm tội ra đầu thú, Bản tường trình, Bản tự khai và lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, Đơn trình báo và lời khai của các bị hại, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với Biên bản xác định hiện trường, sơ đồ hiện trường xác định địa điểm mà các bị cáo trộm cắp tài sản, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Tài sản mà các bị cáo trộm cắp và tiêu thụ tài sản trộm cắp, theo Theo Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 47/KL-ĐGTS ngày 08/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T đã định giá: 01 (một) máy hàn có chữ "HS230", đã qua sử dụng có giá trị 3.000.000 đồng; 01 (một) máy cắt kim loại tay cầm màu xám, đã qua sử dụng có giá trị 1.200.000 đồng; 01 (một) máy cắt kim loại tay cầm màu xanh, đã qua sử dụng có giá trị 1.200.000 đồng. Tổng giá trị của các tài sản là: 5.400.000 đồng.

Như vậy có đủ căn cứ kết luận các bị cáo: Dương Văn Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 01 Điều 138 BLHS; bị cáo Tạ Văn P phạm tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 01 Điều 138 BLHS và tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" quy định tại khoản 01 Điều 250 BLHS; bị cáo Đỗ Tiến A phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" quy định tại khoản 01 Điều 250 BLHS. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố các bị cáo Dương Văn Đ, Tạ Văn P, Đỗ Tiến A theo tội danh và điều khoản trên là hoàn toàn có căn cứ pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Các bị cáo Dương Văn Đ, Tạ Văn P đã xâm phạm trực tiếp quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo Đ, P lợi dụng sự sơ hở của người chủ sở hữu tài sản trong việc quản lý tài sản đã liều lĩnh thực hiện hành vi phạm tội để trộm cắp tài sản. Các bị cáo Tạ Văn P, Đỗ Tiến A tiêu thụ tài sản trộm cắp. Hành vi phạm tội của các bị cáo gây mất ổn định về an ninh trật tự, an toàn xã hội và bị dư luận quần chúng nhân dân lên án. Do đó, hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải được xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự mới đảm bảo việc giáo dục riêng và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này.

Xét về động cơ, mục đích, tính chất, mức độ và vai trò của các bị cáo thì thấy: Các bị cáo Dương Văn Đ, Tạ Văn P cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản, các bị cáo Tạ Văn P, Đỗ Tiến A cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội tiêu thụ tài sản trộm cắp, tuy nhiên chỉ mang tính đồng phạm giản đơn, không có sự câu kết tổ chức chặt chẽ giữa các bị cáo trong việc thực hiện tội phạm. Các bị cáo Đ, P chỉ thích ăn chơi hưởng thụ nhưng không chịu lao động chân

chính, nhằm thõa mãn nhu cầu ăn tiêu không chính đáng đã liều lĩnh thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản, các bị cáo P, A tiêu thụ tài sản trộm cắp để được ăn chia và hưởng lợi. Bị cáo Đ là người rủ bị cáo P trộm cắp và cũng là người trực tiếp tham gia trộm tài sản nên bị cáo Đ giữ vai trò chính, bị cáo P giữ vai trò thứ hai trong hành vi trộm cắp tài sản với bị cáo Đ. Bị cáo P có hành vi giúp sức để mang tài sản trộm cắp đến tiêu thụ cho bị cáo A. Hành vi phạm tội trộm cắp tài sản của bị cáo Đ, P thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Hành vi phạm tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có của các bị cáo P, A thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Với hành vi phạm tội của các bị cáo như vậy, cần có mức án tương xứng với tính chất, mức độ, vai trò của các bị cáo.

Xét về nhân thân các bị cáo thấy:

Đối với bị cáo Dương Văn Đ:

- Tiền sự: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 07/QĐ-XPHC ngày 26/5/2016 của Công an xã S, huyện T, tỉnh Bắc Giang) xử phạt 750.000 đồng về hành vi "Gây rối trật tự công cộng". Thi hành tiền phạt ngày 05/12/2016.

- Tại Bản án số 39/2007/HSST ngày 20/9/2007 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gia thử thách 12 tháng về tội "Đánh bạc". (Số tiền dùng vào việc đánh bạc là 4.247.000 đồng; Bị cáo chấp hành xong tiền phạt bổ sung và tiền án phí ngày 10/8/2008).

- Tại Bản án số 20/2017/HSST ngày 14/7/2017 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang xử phạt 12 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích" (trong vụ án này bị can không bị tạm giữ, tạm giam ngày nào).

Chứng tỏ bị cáo Đ là người có nhân thân xấu.

Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy: không có.

Xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy

Các bị cáo Dương Văn Đ, Tạ Văn P, Đỗ Tiến A có thái độ khai báo thành khẩn và tỏ ra ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS. Bị cáo Tạ Văn P, Đỗ Tiến A phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 46 BLHS. Bị cáo Dương Văn Đ, Đỗ Tiến A đầu thú, phía bị hại xin giảm nhẹ cho các bị cáo Dương Văn Đ, Tạ Văn P, Đỗ Tiến A nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS đối với các bị cáo.

Đối với các bị cáo Đ, P có vai trò chính, tích cực và có nhân thân xấu. Nên cần bắt các bị cáo Đ, P chấp hành hình phạt tù với thời hạn nhất định để các bị cáo có điều kiện tu dưỡng rèn luyện bản thân làm người có ích cho gia đình và xã hội như một phần đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở.

Xem xét nhân thân của bị cáo Đỗ Tiến A là người lao động, chưa có tiền án, chưa có tiền sự. Bản thân bị cáo A ngoài lần vi phạm này thì chưa có lần vi phạm pháp luật nào khác. Bị cáo A có nơi thường trú cụ thể, rõ ràng, quá trình sinh sống ở địa phương luôn chấp hành tốt pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú. Xét thấy việc không bắt bị cáo A đi chấp hành hình phạt tù thì cũng

không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu trong cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm. Nhằm đề cao chính sách nhân đạo, khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội, tạo cơ hội cho họ sửa chữa, cải tạo thành công dân có ích cho xã hội, do vậy đối với bị cáo A không cần thiết phải bắt chấp hành hình phạt tù có thời hạn mà cho bị cáo Đỗ Tiến A được hưởng mức án treo theo quy định tại Điều 60- BLHS cũng đủ để bị cáo Đỗ Tiến A lấy đó làm bài học tu dưỡng rèn luyện bản thân làm người có ích cho gia đình và xã hội như phần đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở. Cần áp dụng khoản 4 Điều 227 BLTTHS để trả tự do ngay tại phiên toà cho bị cáo Đỗ Tiến A nếu bị cáo Đỗ Tiến A không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Đối với bị cáo Đ: Cần tổng hợp hình phạt 12 tháng tù của Bản án HSST số số 20/2017/HSST ngày 14/7/2017 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang, buộc bị cáo Dương Văn Đ chấp hành hình phạt chung của hai bản án theo khoản 2 Điều 51 BLHS.

Do các bị cáo Dương Văn Đ, Tạ Văn P không có tài sản và thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 138 BLHS và khoản 5 Điều 250 BLHS. Bị cáo Đỗ Tiến A thuộc hộ cận nghèo nên không phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo A theo quy định tại khoản 5 Điều 250 của BLHS và được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Đối với ông Đỗ Ngọc L và bà Trần Thị H (là bố, mẹ đẻ của Đỗ Tiến A) không biết 02 chiếc máy cắt và 01 chiếc máy hàn mà Tiến A cất giấu tại nhà ở của mình là tài sản do phạm tội mà có nên ông L, bà H không vi phạm pháp luật.

Đối với chiếc mô tô biển kiểm soát 98M9- 1537 là xe của anh Dương Văn V cho ông Tạ Văn Đ (là bố đẻ của Tạ Văn P) mượn vào buổi chiều ngày 31/7/2017, ông Đ đã mang chiếc xe mô tô này về để ở nhà. Khi P lấy chiếc xe mô tô đi sử dụng làm phương tiện phạm tội, ông Đ và anh V không biết. Ngày 27/10/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã ra quyết định xử lý vật chứng trả xe mô tô cho anh V, đến nay anh V và ông Đ không có yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét.

Khi cho Đ mượn chiếc xe đạp màu hồng, anh Nguyễn Văn T không biết việc Đ sẽ sử dụng chiếc xe đạp này vào việc phạm tội nên ngày 27/10/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả xe đạp cho anh T, đến nay anh T không có yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét.

Đối với 01 máy cắt kim loại tay cầm màu xám, 01 máy cắt kim loại tay cầm màu xanh, 01 máy hàn có chữ "HS230" đều đã qua sử dụng, là tài sản của vợ chồng ông Giáp Văn M, bà Tạ Thị H nên ngày 27/10/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã quyết định xử lý vật chứng trả lại cho ông M, nay ông M, bà không có yêu cầu gì về việc bồi thường thiệt hại nên không đặt ra xem xét.

Do Đỗ Tiến A dùng 1.500.000đồng vào việc mua bán tài sản trộm cắp trên, mặt khác tại phiên tòa Đỗ Tiến A không yêu cầu nên không buộc Dương Văn Đ trả lại số tiền này.

Áp dụng: Điểm b khoản 1 Điều 41 BLHS; Điểm c khoản 2 Điều 76 BLTTHS.

Buộc các bị cáo Dương Văn Đ, Tạ Văn P nộp lại tổng số tiền 1.500.000đồng được ăn chia do bán tài sản trộm cắp cho Đỗ Tiến A mà có để sung quỹ Nhà nước.

Đối với chiếc đèn pin Dương Văn Đ mang theo khi đi trộm cắp tài sản, trên đường đi từ nhà Tạ Văn P đến nhà Nguyễn Văn T để trả xe đạp cho T, Đ đã đánh rơi chiếc đèn pin này. Do Đ không xác định được vị trí rơi chiếc đèn pin nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T không thu hồi được để xử lý.

Đối với đoạn gậy gỗ và chiếc kìm Đ sử dụng vào việc phạm tội, Đ khai vứt gậy gỗ ở khu vực trước cửa nhà ông M, vứt kìm ở trong xưởng, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã tiến hành truy tìm những vật chứng này nhưng không tìm thấy nên không thu hồi được để xử lý.

Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1.Tuyên bố các bị cáo:

- Bị cáo Dương Văn Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản".
- Bị cáo Tạ Văn P phạm tội "Trộm cắp tài sản" và tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".
- Bị cáo Đỗ Tiến A phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

2. Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 2 Điều 51; Điều 20; Điều 53; Điều 33 của BLHS.

Xử phạt bị cáo Dương Văn Đ 18 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Tổng hợp hình phạt 12 tháng tù của Bản án HSST số 20/2017/HSST ngày 14/7/2017 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang, buộc bị cáo Dương Văn Đ chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 02 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 08/8/2017.

* Áp dụng khoản 01 Điều 138; điểm h điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 50; Điều 20; Điều 53; Điều 33 của BLHS.

* Áp dụng khoản 01 Điều 250; điểm h điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 50; Điều 20; Điều 53; Điều 33 của BLHS.

Xử phạt: Bị cáo Tạ Văn P 08 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" và 06 tháng tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Buộc bị cáo Tạ Văn P chấp hành hình phạt chung của hai tội là 14 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 08/8/2017.

* Áp dụng khoản 01 Điều 250; điểm h điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 60 của BLHS; khoản 4 Điều 227 BLTTHS.

Xử phạt: Bị cáo Đỗ Tiến A 08 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 16 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Đỗ Tiến A cho UBND xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Cần trả tự do ngay tại phiên toà cho bị cáo Đỗ Tiến A nếu bị cáo Đỗ Tiến A không bị tạm giam về một tội phạm khác.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Áp dụng: Điểm b khoản 1 Điều 41 BLHS; Điểm c khoản 2 Điều 76 BLTTHS.

Buộc bị cáo Dương Văn Đ nộp lại 800.000đồng do phạm tội mà có để sung quỹ Nhà nước.

Buộc bị cáo Tạ Văn P nộp lại 700.000đồng số tiền do phạm tội mà có để sung quỹ Nhà nước.

5. Áp dụng: Điều 99, Điều 231; Điều 234 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc các bị cáo Dương Văn Đ, Tạ Văn P mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSST.

Các bị cáo, người có quyền, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại, người có quyền, nghĩa vụ liên quan (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự ; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận
- TAND Tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện T;
- Công an huyện T;
- Chi cụcTHADS huyện T;
- Các bị cáo;
- Người tham gia tố tụng.
- Lưu Hs, Vp.